

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP, TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

I. CHUẨN ĐẦU VÀO, CHUẨN ĐẦU RA VÀ ĐỀ CƯƠNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn đầu vào

- Người học có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương và đáp ứng các tiêu chuẩn xét tuyển hoặc thi tuyển đầu vào của Trường.

- Người học có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng ngành hoặc ngành gần: Xét công nhận kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng để miễn trừ các học phần khi học chương trình đào tạo này.

- Người học đang học đại học ngành khác tại Trường thỏa mãn các điều kiện trong Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường: Xét công nhận các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo ngành thứ nhất để xem xét miễn học các học phần trong chương trình đào tạo của ngành này khi học ngành thứ hai theo chương trình đào tạo này.

- Người học có bằng tốt nghiệp đại học thứ nhất ngành khác: Xét công nhận kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng để miễn trừ các học phần khi học văn bằng đại học thứ hai theo chương trình đào tạo này.

2. Chuẩn đầu ra

Sau khi hoàn thành khóa học, người học có kiến thức, kỹ năng, năng lực thực hành nghề nghiệp như sau:

2.1 Về kiến thức

- Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học và xã hội trong lĩnh vực quản lý công nghiệp
- + Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, công nghệ thông tin trong lĩnh vực quản lý công nghiệp
- + Áp dụng được kiến thức khoa học xã hội, chính trị, pháp luật, giáo dục thể chất và quốc phòng - an ninh trong lĩnh vực quản lý công nghiệp
- Phân tích kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu rộng trong lĩnh vực quản lý công nghiệp
- + Áp dụng kiến thức cơ sở ngành trong hoạt động quản lý công nghiệp
- + Phân tích kiến thức chuyên ngành cho hoạt động quản lý công nghiệp

2.2 Kỹ năng, phẩm chất cá nhân

- Thể hiện đúng kỹ năng nghề nghiệp về quản lý công nghiệp bao gồm kỹ năng tư duy hệ thống, phân tích và giải quyết vấn đề trong hoạt động quản lý công nghiệp

+ Thể hiện đúng các kỹ năng phân tích và mô hình hóa vấn đề trong lĩnh vực quản lý công nghiệp bằng các công cụ định lượng để hỗ trợ ra quyết định, cải tiến quy trình và nâng cao hiệu quả hoạt động trong doanh nghiệp

+ Áp dụng chính xác kỹ năng phân tích tình huống và kỹ năng quản lý để xử lý các vấn đề phức tạp trong hoạt động quản lý công nghiệp

- Áp dụng chính xác kỹ năng tự học, nghiên cứu và khám phá tri thức trong hoạt động quản lý công nghiệp

- Thể hiện các phẩm chất cá nhân, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp trong hoạt động quản lý công nghiệp

2.3 Kỹ năng tương tác

- Áp dụng thành thạo kỹ năng hợp tác, tổ chức và làm việc theo nhóm trong hoạt động quản lý công nghiệp

- Áp dụng thành thạo kỹ năng trao đổi thông tin bao gồm kỹ năng sử dụng ngoại ngữ phục vụ công việc trong lĩnh vực quản lý công nghiệp

+ Áp dụng thành thạo kỹ năng trình bày, lắng nghe, phản biện, đàm phán, thỏa hiệp và giải quyết xung đột trong các tình huống giao tiếp trong hoạt động quản lý công nghiệp

+ Thể hiện đúng kỹ năng giao tiếp hiệu quả bằng ngoại ngữ và các công cụ công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý công nghiệp

2.4 Năng lực thực hành nghề nghiệp (Năng lực tự chủ)

- Phân tích bối cảnh xã hội và môi trường doanh nghiệp để đề xuất giải pháp quản lý và cải tiến hoạt động sản xuất kinh doanh, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội

- Áp dụng thành thạo các công cụ và phương pháp quản lý công nghiệp trong lập kế hoạch, điều phối, đánh giá và cải tiến hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh và vận hành của doanh nghiệp công nghiệp

3. Đề cương chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
Học kỳ 1: 16 tín chỉ (16 tín chỉ tích lũy + 0 tín chỉ không tích lũy)					
Học phần bắt buộc				16	
1	100651	11200001	Triết học Mác - Lênin	3 (3,0)	
2	006322	11200005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2,0)	
3	102147	18200072	Pháp luật về quyền con người	2 (2,0)	
4	103198	15200048	Giải tích và ứng dụng trong kinh tế	3 (3,0)	
5	103389	20200001	Kinh tế học quản lý	3 (3,0)	
6	103390	20200002	Nhập môn quản lý công nghiệp (*)	3 (3,0)	
Học kỳ 2: 22 tín chỉ (12 tín chỉ tích lũy + 10 tín chỉ không tích lũy)					
Học phần bắt buộc				10	
1	002298	11200002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2 (2,0)	
2	102246	14202001	Anh văn 1	2 (1,1)	
3	001657	16200004	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3 (3,0)	Không tích lũy
4	001662	16200005	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2 (2,0)	Không tích lũy
5	001669	16201006	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1 (0,1)	Không tích lũy
6	001677	16201007	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2 (0,2)	Không tích lũy
7	001705 001704 103085 001706 001707 103087 103086 001697 001703	16201001	Giáo dục thể chất 1	2 (0,2)	Không tích lũy
8	003428	12200005	Nguyên lý kế toán	3 (3,0)	
9	102392	19200104	Marketing căn bản	3 (3,0)	
Học phần tự chọn (Chọn tối thiểu 01 học phần)				2	

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	103200	15200050	Đại số tuyến tính và ứng dụng trong kinh tế	2 (2,0)	
2	102249	15200033	Xác suất và thống kê	2 (2,0)	
3	006187	15200027	Toán kinh tế	2 (2,0)	
Học kỳ 3: 21 tín chỉ (19 tín chỉ tích lũy + 2 tín chỉ không tích lũy)					
Học phần bắt buộc				16	
1	001625	11200004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2 (2,0)	
2	102247	14202002	Anh văn 2	2 (1,1)	
3	001693 001694 103088 101334 001695 103090 103089 001696 001701	16201002	Giáo dục thể chất 2	2 (0,2)	Không tích lũy
4	102444	18200013	Luật kinh doanh	3 (3,0)	
5	003991	12202120	Quản trị tài chính	3 (2,1)	
6	103391	20202003	Phân tích định lượng trong quản lý kinh tế	3 (2,1)	
7	103394	20202004	Hệ thống thông tin quản lý	3 (2,1)	
Học phần tự chọn (Chọn tối thiểu 01 học phần)				3	
1	102123	19202084	Nghiên cứu thị trường	3 (2,1)	
2	102176	19202081	Khởi nghiệp kinh doanh	3 (2,1)	
3	102110	13202097	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	3 (2,1)	
Học kỳ 4: 20 tín chỉ (19 tín chỉ tích lũy + 1 tín chỉ không tích lũy)					
Học phần bắt buộc				16	
1	000476	11200003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2 (2,0)	
2	102248	14202003	Anh văn 3	2 (1,1)	

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
3	001718 001702 103091 100929 001719 103093 103092 100930 100931	16201003	Giáo dục thể chất 3	1 (0,1)	Không tích lũy
4	103404	01202750	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý công nghiệp	3 (2,1)	
5	003961	13202041	Quản trị nguồn nhân lực	3 (2,1)	
6	103405	01202751	Cơ sở dữ liệu trong quản lý công nghiệp	3 (2,1)	
7	003891	13202123	Quản trị chất lượng	3 (2,1)	
Học phần tự chọn (Chọn tối thiểu 01 học phần)				3	
1	101757	19202067	Marketing kỹ thuật số	3 (2,1)	
2	102112	19202071	B2B Marketing	3 (2,1)	
3	102393	19202096	Marketing quốc tế	3 (2,1)	
Học kỳ 5: 21 tín chỉ (21 tín chỉ tích lũy + 0 tín chỉ không tích lũy)					
Học phần bắt buộc				18	
1	103392	20202005	Điều độ sản xuất (*)	3 (2,1)	
2	100023	13202044	Quản trị vận hành	3 (2,1)	
3	102252	20202087	Quản trị Logistics	3 (2,1)	
4	006834	20202037	Quản trị chuỗi cung ứng	3 (2,1)	
5	103393	20202006	Đổi mới sản phẩm và dịch vụ	3 (2,1)	
6	103395	20202007	Anh văn chuyên ngành Quản lý công nghiệp (*)	3 (2,1)	
Học phần tự chọn (Chọn tối thiểu 01 học phần)				3	
1	102173	19202080	Thương mại điện tử	3 (2,1)	
2	102251	20202086	Mô hình kinh doanh số	3 (2,1)	
3	002886	13202030	Lập kế hoạch kinh doanh	3 (2,1)	
Học kỳ 6: 21 tín chỉ (21 tín chỉ tích lũy + 0 tín chỉ không tích lũy)					
Học phần bắt buộc				18	
1	102254	20202089	Quản trị thu mua toàn cầu	3 (2,1)	
2	103396	20202008	Sản xuất thông minh (*)	3 (2,1)	

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
3	103397	20202009	Quản lý công nghệ	3 (2,1)	
4	003920	13202039	Quản trị dự án đầu tư	3 (2,1)	
5	103398	20202010	Quản lý rủi ro doanh nghiệp	3 (2,1)	
6	103400	03200624	Tổ chức và quản lý bảo trì công nghiệp	3 (2,1)	
Học phần tự chọn (Chọn tối thiểu 01 học phần)				3	
1	102253	20202088	Quản trị kho hàng và tồn kho	3 (2,1)	
2	102258	20202093	Quản trị trung tâm phân phối	3 (2,1)	
3	100664	20202050	Vận tải và giao nhận hàng hóa quốc tế	3 (2,1)	
Học kỳ 7: 15 tín chỉ (15 tín chỉ tích lũy + 0 tín chỉ không tích lũy)					
Học phần bắt buộc				15	
1	103399	20202011	Quản lý sản xuất theo Lean và Six Sigma (*)	3 (2,1)	
2	103401	20205013	Kiến tập (*)	2 (0,2)	
3	103402	20204014	Thực tập tốt nghiệp (*)	4 (0,4)	
4	103403	20206015	Khóa luận tốt nghiệp (*)	6 (0,6)	

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Đội ngũ giảng viên cơ hữu tham gia mở ngành và giảng dạy các học phần thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành, cơ sở ngành và một số học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, khoa học cơ bản là 48 giảng viên (gồm 03 Phó giáo sư, 34 tiến sĩ, 1 thạc sĩ). Trong đó có 01 tiến sĩ đúng chuyên ngành Quản lý công nghiệp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo; 01 Phó giáo sư đúng chuyên ngành Quản lý công nghiệp, 02 Phó giáo sư, 34 tiến sĩ có chuyên ngành hoặc chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy các khối kiến thức trong chương trình đào tạo.

III. DANH MỤC CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần /môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	145	17643			
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	504	Các học phần lý thuyết	Tất cả các học kỳ	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	2	460	Các học phần lý thuyết	Tất cả các học kỳ	
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	7	980	Các học phần lý thuyết	Tất cả các học kỳ	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	7	1200	Các học phần lý thuyết	Tất cả các học kỳ	
1.5	Số phòng học đa phương tiện	7	199	Các học phần học trực tuyến, ngoại ngữ	Tất cả các học kỳ	
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	4	280	-	Tất cả các học kỳ	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	1731	-	Tất cả các học kỳ	
3	Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập			Các học phần thực hành	Tất cả các học kỳ	

2. Nghiên cứu khoa học

Hoạt động nghiên cứu khoa học chú trọng từng bước nâng cao chất lượng, 50 bài báo đăng trên tạp chí uy tín trong nước và quốc tế, 02 đề tài cấp Bộ, cấp cơ sở và các công trình nghiên cứu khoa học cấp Trường khác được thực hiện. Nhiều giáo trình, sách chuyên khảo được tập thể giảng viên của khoa biên soạn và xuất bản phục vụ công tác giảng dạy.

IV. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRONG 05 NĂM ĐẦU TUYỂN SINH

Năm học 2026 – 2027 tuyển sinh khoảng 120 sinh viên.

Năm học 2027 – 2028 tuyển sinh khoảng 180 sinh viên.

Từ năm học 2028 – 2029 trở đi tuyển sinh khoảng 200 sinh viên mỗi năm.

Dự kiến đến năm 2030, quy mô đào tạo ngành Quản lý công nghiệp trình độ Đại học sẽ đạt khoảng 600 sinh viên, tăng lên 150-200 sinh viên/năm trong giai đoạn 2031–2035 khi nhu cầu thị trường và uy tín chương trình được khẳng định. Chương trình sẽ mở rộng theo hướng liên kết quốc tế, đào tạo theo mô hình ứng dụng – nghiên cứu và phục vụ cộng đồng doanh nghiệp. Dự kiến sau 2 khóa tốt nghiệp bậc Đại học ngành Quản lý công nghiệp sẽ làm hồ sơ và đề nghị Trường Đại học Công Thương TP. Hồ Chí Minh cho phép tổ chức đào tạo ở trình độ Thạc sĩ và liên kết Quốc tế.

V. ĐỊA ĐIỂM ĐÀO TẠO VÀ DANH SÁCH CÁC ĐỊA ĐIỂM THỰC HÀNH, THỰC TẬP

1. Địa điểm đào tạo

- Cơ sở chính: 140 Lê Trọng Tấn, phường Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
- Trung tâm Thí nghiệm thực hành: 93 Tân Kỳ Tân Quý, phường Tân Sơn Nhì, TP. Hồ Chí Minh.
- Cơ sở Giáo dục Thể chất và Quốc phòng An ninh: 73 Nguyễn Đỗ Cung, phường Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
- Trung tâm Giáo dục Phổ thông: 247 Tân Kỳ Tân Quý, phường Tân Sơn Nhì, TP. Hồ Chí Minh.
- Cơ sở Thực hành cơ khí, điện - điện tử, CN dệt may, dinh dưỡng & ẩm thực: 31 Chế Lan Viên, phường Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
- Cơ sở Đào tạo lý thuyết (mới): 263 Lê Trọng Tấn, phường Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

2. Danh sách các địa điểm thực hành, thực tập

1. Hiệp Hội các doanh nghiệp khu công nghiệp TP.HCM (HBA), địa chỉ: 35 Đ. Nguyễn Bình Khiêm, Đa Kao, Quận 1, Hồ Chí Minh
2. Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại He Vi, địa chỉ: 103/6a, Khu phố 4, Phường Tân Định, Thành phố Bến Cát, Bình Dương.
3. Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam, địa chỉ: Lô C6, Đường N3, KCN. Nam Tân Uyên, Phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt nam.
4. Công ty Daco Logistics, địa chỉ: 6-8 Đoàn Văn Bơ, Phường Khánh Hội, TP. HCM.
5. Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu sản xuất Trân Phương, địa chỉ: 289/7C Đường Bình Đông, Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

6. Công ty Khang Nam Logistics, địa chỉ: 30 Lô C đường Trường Sơn, Phường Hoà Hưng, TP. Hồ Chí Minh
7. Công ty CP chăn nuôi CP Việt Nam, địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa II, P. Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Đồng Nai.
8. Công ty Cổ phần VABIX, địa chỉ: Tầng 3 Toà nhà Thanh long, 456 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
9. Công ty SX-TM-DV Green Food, địa chỉ: 70 Vĩnh Hội, phường 4, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.
10. Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Capital, địa chỉ: 78-80 Lý Chính Thắng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
11. Công ty Cổ phần Bình Dân Sài Gòn, địa chỉ: 559 Tô Ký, Phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, TP.HCM.
12. Công ty TNHH Melody Logistics, địa chỉ: 354/1/15 đường Phan Văn Trị, Phường 11, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
13. Công ty AJ Total Vietnam Co., Ltd – Kho Lạnh AJ Total Vietnam, địa chỉ: Lô H.04, đường số 1, Khu Công nghiệp Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.
14. Công ty TNHH Xuất nhập khẩu lương thực thực phẩm Cửu Long, địa chỉ: 443/5 Đỗ Xuân Hợp, Phường Phước Long B, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
15. Công ty Cổ phần Thép TVP, 400 Quốc lộ 1A, khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long.